

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 22/1/2025)

1.1. Khu vực miền núi phía Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa khu vực miền núi phía Bắc: phổ biến 0-2mm, có nơi trên 5 mm như Sa Pa (Lào Cai) 8.1mm, Bắc Quang (Hà Giang) 14.4mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao giảm, sông Lô tăng so với tuần trước do các thủy điện tuyến trên tăng cường phát điện phục vụ đồ ải Đông Xuân (từ ngày 12-16/01/2025). Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 63%, trên sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 16%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 0-2mm
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao tại Yên Bái nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 59%, dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 46%.

1.2. Khu vực Đồng Bằng và Trung Du Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ: phổ biến 0-2mm
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên, tổng lượng dòng chảy thấp hơn so với TBNN là 19%.
- Trên các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình, mực nước biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn 44% so với TBNN cùng kỳ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ là 12%.
- Sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tăng dần do các hồ chứa thủy điện tuyến trên tăng cường phát điện phục vụ đồ ải vụ Đông Xuân 2024-2025 lấy nước từ ngày 12/1-16/1. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 19%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến <5mm

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 0-5mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy thấp hơn so với TBNN là 9%.
- Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam ít biến đổi so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ là 31% ; tổng lượng dòng chảy tại Chũ ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 20% .
- Sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng sẽ giảm dần do các hồ chứa thủy điện tuyến trên kết thúc tuần tăng cường phát điện phục vụ đồ ải vụ Đông Xuân 2024-2025 lấy nước từ ngày 12/1-16/1. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội tuần tới dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 7%.

1.3. Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 0-1mm; riêng Hà Tĩnh phổ biến 10-20mm, có nơi trên 30mm như Kỳ Anh (Hà Tĩnh) 36.6mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 21%, sông Cả tại Yên Thượng tương đương TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 26%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 50%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 0-2mm; riêng Hà Tĩnh 5-15mm, có nơi trên 20mm
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy tương đương TBNN cùng kỳ, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 13%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 39%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 50%.

1.4. Trung Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-50mm, có nơi trên 50mm như A Lưới (Thừa Thiên Huế) 81.1mm, Trà My (Quảng Nam) 69.1mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình

đến Quảng Ngãi ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn TBNN cùng kỳ 349%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) cao hơn 57%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn 64%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 20-50mm, có nơi trên 50mm; phía Nam phổ biến 30-70mm, có nơi trên 100 mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Những ngày đầu, dòng chảy trên các sông Quảng Nam, Quảng Ngãi khả năng có dao động, các sông khác ít biến đổi, sau theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn TBNN cùng kỳ 338%, sông Thu Bồn và sông Trà Khúc cao hơn từ 67-68%.

1.5. Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

Tổng lượng mưa khu vực Nam Trung Bộ: phổ biến 10-20mm, có nơi trên 20mm như Tuy Hòa (Phú Yên) 22.2mm; riêng Ninh Thuận, Bình Thuận 0-2 mm.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông từ Bình Định đến Ninh Thuận biến đổi chậm theo xu thế giảm dần. Hạ lưu sông Ba mực nước dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) cao hơn 54%, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 60%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) cao hơn 11%, sông Lũy (Bình Thuận) thấp hơn 6%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 83% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi trên 30mm; riêng Ninh Thuận, Bình Thuận 5-10 mm.

Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại Củng Sơn so với TBNN <53% và sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng >27% so với TBNN.

1.6. Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 0-5mm, có nơi trên 5mm như Đà Lạt (Lâm Đồng) 7.2mm, ...

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức

xấp xỉ và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 76%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn cao hơn 28%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 0-10mm, có nơi trên 20mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi ở mức xấp xỉ và giảm so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 74%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn cao hơn 11%.

1.7. Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 0-5mm

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 0-10mm, có nơi trên 20mm

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, với xu thế giảm dần. Trên sông Tiền tại Tân Châu ở mức cao hơn TBNN khoảng 15% và trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức thấp hơn TBNN 30%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/01/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/01/2025

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày (hoặc 10 ngày) qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Miền núi phía Bắc	Tam Đường	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Sơn La	0	<100	0.1	0	0	0	0.1	0	0	0.2	<93
	Lào Cai	1.7	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<73
	Yên Bái	0	<100	0.8	0	0	0	0	0	0	0.8	<98
	Tuyên Quang	0	<87	0	0	0	0	0	0.1	0	0.1	<95
	Hà Giang	1.8	<100	0	0	0.1	0.2	0	0	0	0.3	<100
	Cao Bằng	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Lạng Sơn	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<98
Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ	Bắc Giang	0	<100	0	0	0	0.1	0	0	0	0.1	<100
	Quảng Ninh	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<91
	Láng	0	<100	0	0	0	0.4	0	0	0	0.4	<69
	Thái Bình	0	<100	0.3	0	0	0.8	0	0	0	1.1	<78
	Nam Định	0	0	0.4	0	0	0.6	0	0	0	1	0
	Hòa Bình	0	<71	0	0	0	0.7	0	0	0	0.7	<100
Bắc Trung Bộ	Thanh Hoá	0.5	<91	2.2	0	0	0	0	0	0.1	2.3	>2
	Vinh	0.6	<96	2.4	0	0.1	2.2	0.8	0	0.1	5.6	<21
	Hà Tĩnh	5.8	<77	7.3	0.4	0.1	2.1	1.7	0	0.2	11.8	<40
Trung	Huế	42.4	>39	31.4	0.7	0.2	1.4	3.2	0.7	0.9	38.5	>54

Trung Bộ	Quảng Ngãi	26.4	<10	95.2	14.4	0.3	1	0.3	0.5	1.1	112.8	>242
Nam Trung Bộ	Nha Trang	13.6	>38	8.9	1.6	0.1	0	0	0	0.1	10.7	<48
Tây Nguyên	Kon Tum	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Buôn Mê Thuột	0	<100	0.2	0.1	0	0	0	0	0	0.3	<88
Nam Bộ	Biên Hòa	4.7	<16	0.3	0	0	0	0.1	0.2	0	0.6	<81
	Cần Thơ	0	<100	10.3	0.5	0	0.3	0.1	0	0	11.2	>239

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 16 đến ngày 22/01/2025

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 08/01 đến 15/01	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				16/01	17/01	18/01	19/01	20/01	21/01	22/01	Tổng	
Đà	Hồ Hòa Bình	341.46	<19	54	52	50	48	48	48.0	48	347	<9
Thao	Yên Bái	68	<63	10	10	9	9	8	8.0	7	61	<59
Lô	Tuyên Quang	164	<16	35	33	26	13	11	11.0	10	139	<46
Câu	Gia Bảy	7.2	<44	1.22	1.12	1.08	1.06	1.04	1.0	0.99	7.5	<31
Lục Nam	Chũ	2.18	<12	0.29	0.29	0.33	0.33	0.33	0.3	0.29	2.15	<20
Hồng	Hà Nội	745	>19	126.144	109	92	87	83	78.0	74	648	<7
Mã	Cầm Thủy	110.1	> 21%	14.33	13.93	13.66	13.39	13.12	12.9	12.45	93.74	~ TBNN
Cả	Yên Thượng	137.3	~ TBNN	18.03	17.52	17.19	16.85	16.51	16.2	15.67	117.94	< 13%
La	Hòa Duyệt	32.8	< 26%	3.88	3.77	3.7	3.63	3.56	3.5	3.37	25.4016	< 39%
Tả Trạch	Thượng Nhật	30.6	> 349	4.5	4.1	3.9	3.5	3.4	3.2	2.9	25.5	> 338
Thu Bồn	Nông Sơn	276.4	> 57	38.9	37.2	36.5	35.4	33.7	32.8	31.7	246.2	> 68
Trà Khúc	Sơn Giang	191.1	> 64	25.9	25.1	24.6	23.8	23.3	22.9	21.9	167.5	> 67
Ba	Củng Sơn	38.65	<60	6.05	5.88	5.7	5.53	5.36	5.2	5.01	38.71	<53
Cái N,T	Đồng Trăng	37.74	>11	7.78	5.62	5.01	5.01	4.92	4.8	4.75	37.93	>27
ĐăkBlá	KonTum	8.91	< 76	1.35	1.33	1.22	1.25	1.31	1.3	1.21	9	< 74
Srêpôk	Giang Sơn	57.38	> 28	6.27	6.05	5.88	5.66	5.44	5.3	5.08	39.7	> 11
Tiền	Tân Châu			630	669	645	614	567	519.0	504	4148	>15
Hậu	Châu Đốc			67	69	63	61	57	55.0	54	419	<30